

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19-7-2024

V/v: Tranh chấp “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Mùa**

Ông Phan Tấn Lãm

- Thư ký phiên tòa: **Ông Nguyễn Ngọc Thanh** - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Quỳnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2024; Thông báo dời ngày mở phiên tòa số 30/2024/TB-TA, ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Bà **Mai Thị A**, sinh năm 1981 (*xin giải quyết vắng mặt*)

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1975 (*vắng mặt không có lý do*).

Nơi cư trú: Thôn ĐA, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2024, bản tự khai và biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị A trình bày:

Bà Mai Thị A và ông Nguyễn Văn B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BGM, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 01 tháng 9 năm 2003. Trong thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó đến năm 2013 giữa bà A và ông B phát sinh mâu thuẫn. Nguyên A là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông B không chăm lo cho gia đình, thường xuyên đi đánh bài, sau đó còn bán các tài sản trong gia đình để chơi bời, vợ chồng không tìm được tiếng

nói chung, cuộc sống ngọt ngào và mâu thuẫn kéo dài. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Do đó, bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết cho bà được ly hôn với ông B.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Nguyễn Thái C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Mai Bảo D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2007. Sau khi ly hôn, bà A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Mai Bảo D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với người con chung là Nguyễn Thái C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà Mai Thị A không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn B vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 14 tháng 6 năm 2024 cháu Nguyễn Mai Bảo D trình bày:

Cháu là con ruột của bà A, ông B, hiện nay cháu 17 tuổi và đang học lớp 11 tại Trường THPT ĐM, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Cháu có biết việc bố mẹ cháu yêu cầu giải quyết việc ly hôn với nhau tại Tòa án, về nguyên nhân mâu thuẫn thì cháu không biết nhưng thấy bố mẹ hay cãi vã, gây gổ với nhau. Hiện cháu đang sống cùng với mẹ là bà A. Nay bố mẹ yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Việc cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ (bà A) là do cháu hoàn toàn tự nguyện và không bị ai ép buộc gì vì mẹ chăm sóc, lo lắng và cháu cảm giác được yên tâm, thoải mái khi sống chung cùng với mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa :

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 36, 39; 227; 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Mai Thị A.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Mai Bảo D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2007 cho bà Mai Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Đối với người con chung là Nguyễn Thái C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2003 đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:* Xác định đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” do bà Mai Thị A đứng đơn khởi kiện, bị đơn là ông Nguyễn Văn B cư trú tại: Thôn ĐA, xã BGM, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

[1.2] *Về việc vắng mặt đương sự:* Nguyên đơn bà Mai Thị A trong quá trình thu thập chứng cứ có mặt đầy đủ theo triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, trước khi mở phiên tòa, bà A có đơn xin giải quyết vắng mặt. Về phía bị đơn là ông Nguyễn Văn B vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần, nên xem như ông B từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà A, ông B theo thủ tục chung.

[2] Phân tích nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Theo lời trình bày của nguyên đơn là bà A cho thấy, bà và ông B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã BGM, huyện Phước Long (cũ) nay là huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 01 tháng 9 năm 2003. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông B được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi vã nhau, ông B không chăm lo cho gia đình, vợ con, thường xuyên đi đánh bài và còn bán đồ đạc trong gia đình để đi chơi, bà A và ông B không tìm được tiếng nói chung. Nay bà A xác định tình cảm không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, bà A và ông B đã sống ly thân với nhau từ tháng 6 năm 2020 cho đến nay không còn ai quan tâm đến ai. Tại phiên tòa vắng mặt bà A, ông B nhưng quá trình thu thập chứng cứ bà A vẫn cho rằng, bà và ông B đã cố gắng hòa giải với nhau nhiều lần nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà A và ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, từ lâu không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà A.

[2.2] *Về con chung*: Trong thời gian chung sống, bà A và ông B có 02 người con chung là Nguyễn Thái C, sinh ngày 16 tháng 6 năm 2003 và Nguyễn Mai Bảo D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2007. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như lời khai, bản tự khai của bà A có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Nguyễn Mai Bảo D cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi, đối với người con chung là Nguyễn Thái C đã trưởng thành, trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía cháu D cũng có lời khai và có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cho cháu, nghĩ cần thiết phải giao con chung là Nguyễn Mai Bảo D cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với pháp luật.

[2.3] *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí HNGĐ sơ thẩm**: Bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; 36; 39; 227; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51; 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị A về việc tranh chấp “Ly hôn”.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Mai Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Văn B.

- *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Mai Bảo D cho bà Mai Thị A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi cho con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét.

2. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0008116 ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND tỉnh Bình Phước;
 - VKSND huyện Bù Gia Mập;
 - Chi cục THA huyện Bù Gia Mập
 - UBND xã BGM;
 - Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

VĂN PHÚ VINH

